TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HS-ST
Ngày: 23-3-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Xuân Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Kiên – Bí thư xã đoàn xã M;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ – Giáo viên hưu trí thị trấn Dầu Tiếng.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Phạm Ngọc Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*: Ông Võ Thế Duẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2018/HSST ngày 08 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn N, sinh năm 1999, tại Bình Dương. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: không biết chữ; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1982 (chết năm 2016); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21/11/2017; hủy bỏ biện pháp tạm giam ngày 31/12/2017; hiện tại bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Đinh Duy A, sinh ngày 25/5/2000, tại Bình Dương. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 35, tổ 17, khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông không rõ họ tên và bà Đinh Thị Thùy L1, sinh năm 1982; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1978; Hộ khẩu thường trú: Ấp Đ1, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Chỗ ở hiện nay: Đường N9, khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn xét xử vắng mặt.

2. Bà Bùi Thị Thùy T, sinh năm 1991; Hộ khẩu thường trú: Khu phố 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Chỗ ở hiện nay: Đường N9, khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Trần Thị L2, sinh năm 1988; Hộ khẩu thường trú: Số 14B, tổ 17, Khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Hùng C, sinh năm 1977; Hộ khẩu thường trú: Khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn xét xử vắng mặt.

3. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đinh Duy A: Bà Đinh Thị Thùy L1, sinh năm 1982; Hộ khẩu thường trú: Số 35, tổ 17, khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương (mẹ ruột). Có mặt.

4. Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Đinh Duy A: Ông Phạm Tiến Thiên T1 – Luật sư Văn phòng luật sư Phạm Thiên T1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố về hành vi như sau:

Nguyễn Văn N và Đinh Duy A là bạn. Khoảng 17 giờ 00 phút, ngày 20/11/2017, A đến nhà N ngụ tại khu phố 5, thị trấn D, huyện D chơi. Tại đây N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài nên N rủ A cùng thực hiện, A đồng ý.

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 21/11/2017, N và A đi bộ đến khu vực lô F, thuộc khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương tìm tài sản để trộm cắp. Khi đến nhà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1978, địa chỉ: Ấp Đ1, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương, N nhìn qua khe cửa thấy C đang ngủ. N kêu A đứng bên ngoài cảnh giới còn N dùng ngón trỏ tay phải mở chốt cửa và vào trong nhà lấy trộm 01 chiếc điện thoại hiệu Samsung galaxy A3, màu trắng để trên kệ tivi, N bỏ vào túi quần. Sau đó, N đi ra phía sau nhà của C thì thấy cửa sau nhà Bùi Thị Thùy T, sinh năm 1991, địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương không đóng (nhà T ở sát bên nhà C). N tiếp tục đi từ cửa sau vào nhà T lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Samsung galaxy J3, màu đồng để trên kệ bộ thu phát sóng WIFI và 01 điện thoại di động hiệu OPPO F3 Plus, màu vàng đồng để trên tủ quần áo. N cầm 02 điện thoại vừa trộm được và mở cửa trước nhà T đi ra ngoài và cùng A tẩu thoát. Sau khi lấy trộm được điện thoại, N đưa cho A 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung galaxy A3, còn N giữ chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F3 Plus và chiếc điện thoại di động hiệu Samsung galaxy J3.

Đến khoảng 03 giờ 00 phút cùng ngày, sau khi ngủ dậy, C và T phát hiện bị mất tài sản nên đến Công an thị trấn D trình báo. Vụ việc được chuyển giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D xử lý theo quy định của pháp luật.

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 21/11/2017, N và A đem chiếc điện thoại hiệu OPPO F3 Plus, màu vàng đồng trộm được đến nhà Trần Thị L2, sinh năm 1988, địa chỉ: Số 14B, tổ 17, khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương đổi lấy 01 (một) chiếc xe mô tô không rõ nhãn hiệu và biển số, số máy 4D202244, số khung: 600141 của L2. Vì không biết điện thoại di động trên do N và A phạm tội mà có nên L2 đồng ý.

Đến khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày, A đem chiếc điện thoại hiệu Samsung galaxy A3, màu trắng đến tiệm cầm đồ M 168, địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương do Nguyễn Hùng C, sinh năm 1977 làm chủ, A nói là điện thoại của A nên C đồng ý cầm với giá 700.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng mời N và A đến trụ sở làm việc. Qua làm việc, N và A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Ngày 21/11/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng thu giữ các vật chứng gồm:

- Thu giữ tại tiệm cầm đồ M 168 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG galaxy A3, màu trắng;

- Thu giữ tại nhà Nguyễn Văn N 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung galaxy J3, màu đồng;

- Thu giữ tại nhà Trần Thị L 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F3 Plus, màu vàng đồng;

- Nguyễn Văn N tự nguyện giao nộp 01 (một) xe mô tô không rõ nhãn hiệu và loại xe, không có biển số, màu sơn: Đỏ - Trắng, số máy: 4D202244, số khung: 600141.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 57/KLĐG ngày 28/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Dầu Tiếng kết luận:

- 01 (một) điện thoại di động Samsung galaxy A3, màu trắng trị giá: 1.000.000 đồng.

- 01 (một) điện thoại di động Samsung galaxy J3, màu đồng trị giá: 1.000.000 đồng.

- 01 (một) điện thoại di động OPPO F3 Plus, màu vàng đồng trị giá: 6.500.000 đồng.

- Như vậy tổng trị giá tài sản do N và A trộm cắp có giá trị là: 8.500.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 08/CTr-VKS ngày 08/02/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N, Đinh Duy A về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn N, Đinh Duy A về tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 138, Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điểm n Khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 08 đến 10 tháng tù.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 138, Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 60; Điều 69 và Điều 74 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Duy A từ 07 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, với thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng.

+ Về trách nhiệm dân sự:

- Tài sản đã trao trả cho bị hại và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

- Đối với số tiền 700.000 đồng có được từ việc phạm tội mà có, bị cáo A đã tiêu xài hết. Quá trình điều tra không thu hồi được. Đồng thời Đào Hùng C không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung galaxy A3, màu trắng. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của C nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả lại cho C theo Quyết định xử lý vật chứng số 06/QĐ và Biên bản về việc trả lại tài sản ngày 12/12/2017.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung galaxy J3, màu đồng và 01 (một) điện thoại di động OPPO F3 Plus, màu vàng đồng. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của T nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả lại cho T theo Quyết định xử lý vật chứng số 06/QĐ và Biên bản về việc trả lại tài sản ngày 12/12/2017.

Đối với 01 (một) xe mô tô không rõ nhãn hiệu và loại xe, không có biển số, màu sơn: Đỏ - Trắng, số máy: 4D202244, số khung: 600141. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên do Trần Thị L2 mua của một người không rõ nhân thân lai lịch, không có giấy tờ hợp pháp, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay chưa xác định được chủ sở hữu phương tiện. Đồng thời L2 không yêu cầu nhận lại chiếc xe này nên đề nghị giao cho Uỷ ban nhân dân huyện Dầu Tiếng xử lý theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, Luật sư Phạm Tiến Thiên T1 là người bào chữa chỉ định cho bị cáo Đinh Duy A có ý kiến thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 60; Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là người chưa thành niên phạm tội và mức hình phạt

đối với bị cáo Đinh Duy A từ 07 đến 09 tháng tù treo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú.

Tại phiên tòa, bà Đinh Thị Thùy L là người đại diện theo pháp luật của bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ về mức hình phạt đối với bị cáo Đinh Duy A.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị cáo; người bào chữa chỉ định cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại; người bào chữa chỉ định cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N, Đinh Duy A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội thể hiện: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 21/11/2017, N và A đi bộ đến khu vực lô F, thuộc khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương và đột nhập vào nhà bà Nguyễn Thị Kim C lấy trộm 01 chiếc điện thoại hiệu Samsung galaxy A3, màu trắng và nhà bà Bùi Thị Thu T lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Samsung galaxy J3, màu đồng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO F3 Plus, màu vàng. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 57/KLĐG ngày 28/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Dầu Tiếng kết luận tổng trị giá tài sản do N và A trộm cắp là 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm ngàn đồng). Như vậy, đã có đủ cơ sở khẳng định Cáo trạng số 08/Ctr-VKS của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, đủ khả năng nhận thức được việc xâm phạm quyền tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Do thói lười lao động, tham lam tài sản của người khác, bất chấp hậu quả miễn sao có tài sản thỏa mãn nhu cầu cá nhân, các bị cáo đã lén lút lấy trộm tài sản của bị hại với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo tuy đơn giản nhưng đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Tuy nhiên để cá thể hóa hình phạt, cần xem xét vai trò hành vi phạm tội của từng bị cáo như sau:

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn N: Bản thân bị cáo là người rủ rê, lôi kéo bị cáo A thực hiện hành vi phạm tội. Trước khi tiến hành đột nhập vào nhà bị hại thì bị cáo phân công cho bị cáo A đứng bên ngoài làm nhiệm vụ cảnh giới thông báo nếu phát hiện người lạ mặt và chính bị cáo là kẻ trực tiếp thực hiện lấy cắp 03 điện thoại di động có giá trị 8.500.000 đồng. Vì vậy, vai trò của bị cáo trong vụ án này là kẻ chủ mưu, lôi kéo người khác thực hiện hành vi phạm tội.

- Đối với bị cáo Đinh Duy A: Khi được bị cáo N rủ rê, tìm kiếm tài sản của người khác để lấy trộm và bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, đáng lẽ ra bị cáo phải biết hành vi đó là sai trái, cương quyết từ chối nhưng ngược lại đồng tình ủng hộ bằng cách làm theo lời của bị cáo N đứng bên ngoài nhà của bị hại với vai trò cảnh giới tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, bị cáo A cùng bị truy tố với vai trò đồng phạm là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi phạm tội của hai bị cáo thực hiện ngày 21/11/2017 nhưng tại thời điểm xét xử thì Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018, quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) "Tội trộm cắp tài sản" là không có lợi cho bị cáo so với khung hình phạt quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử lý đối với hai bị cáo.

Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như sau: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, hai bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế; bản thân bị cáo N không biết chữ. Đó là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo N có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại điểm n Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Mặt khác, bị cáo A tại thời điểm phạm tội là người chưa thành niên nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử áp dụng Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Từ những phân tích nêu trên, xét thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo N nhằm giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời răn đe phòng ngừa chung. Riêng đối với bị cáo A có nơi cư trú rõ ràng, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không làm ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm và an toàn xã hội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú là phù hợp.

[4] Xét, ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo về phần tội danh, điều khoản truy tố, hình phạt và trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng là có căn cứ phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét, ý kiến của luật sư bào chữa chỉ định cho bị cáo Đinh Duy A về việc đề nghị quyết định hình phạt cho bị cáo A được hưởng án treo dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú là phù hợp.

+ Về trách nhiệm dân sự:

- Tài sản đã trao trả cho bị hại và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

- Đối với số tiền 700.000 đồng có được từ việc phạm tội mà có, A đã tiêu xài hết. Quá trình điều tra không thu hồi được. Đồng thời Đào Hùng C không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung galaxy A3, màu trắng. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của C nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả lại cho C theo Quyết định xử lý vật chứng số 06/QĐ và Biên bản về việc trả lại tài sản ngày 12/12/2017.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung galaxy J3, màu đồng và 01 (một) điện thoại di động OPPO F3 Plus, màu vàng đồng. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của T nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả lại cho T theo Quyết định xử lý vật chứng số 06/QĐ và Biên bản về việc trả lại tài sản ngày 12/12/2017.

Đối với 01 (một) xe mô tô không rõ nhãn hiệu và loại xe, không có biển số, màu sơn: Đỏ - Trắng, số máy: 4D202244, số khung: 600141. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên do Trần Thị L2 mua của một người không rõ nhân thân lai lịch, không có giấy tờ hợp pháp, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay chưa xác định được chủ sở hữu phương tiện. Đồng thời L2 không yêu cầu nhận lại chiếc xe này nên đề nghị giao cho Uỷ ban nhân dân huyện Dầu Tiếng xử lý theo quy định.

Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N, Đinh Duy A phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điểm n Khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 21/11/2017 đến ngày 31/12/2017.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 60; Điều 69, 74 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Đinh Duy A 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, với thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng. Thời gian thử thách tình từ ngày Tòa tuyên án (ngày 23/3/2018).

Giao bị cáo Đinh Duy A về Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Không xem xét.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ Luật tố tụng hình sự và Khoản 1 Điều 22 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Nguyễn Văn N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

- Bị cáo Đinh Duy A phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị cáo, người bào chữa chỉ định cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 23/3/2018).

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND H. Dầu Tiếng;
- Công an H. Dầu Tiếng;
- CC THA DS H. Dầu Tiếng;
- UBND thị trấn D;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Xuân Nam